**Use case “Pay order”**

**1. Use case code :**

UC001

**2. Brief Description :**

Use case này mô tả mối quan hệ giữa khách hàng và liên ngân hàng với AIMS Software khi khách hàng muốn thanh toán đơn đặt hàng.

**3. Actors** :

3.1 Khách hàng

3.2 Giao dịch viên ngân hàng

**4. Preconditions**

AIMS software đã tính toán xong tổng chi phí khách hàng cần trả

**5. Basic Flow of Events :**

Step 1. AIMS software hiển thị cửa sổ thanh thoán.

Step 2. Khách hàng nhập thông tin thẻ và xác nhận giao dịch.

Step 3. AIMS sofware yêu cầu liên ngần hàng xử lý giao dịch.

Step 4. Liên ngân hàng xử lý giao dịch.

Step 5. AIMS software lưu lại sự giao dịch thanh toán.

**6. Alternative flows** :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí | Điều kiện | Hành động | Vị trí tiếp theo |
| 1. | Tại bước 5 | Nếu thông tin thẻ không hợp lệ | * AIMS Software thông báo rằng thông tin thẻ không hợp lệ | Tại bước 1 |
| 2. | Tại bước 5 | Nếu số dư không đủ | * AIMS Sofware thông báo rằng số dứ không đủ | Tại bước 1 |

**7. Input data**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường thông tin | Mô tả | Bắt buộc? | Điều kiện hợp lệ | Ví dụ |
| 1. | Tên chủ thẻ |  | Có |  | TRAN HUU HIEU |
| 2. | Số thẻ |  | Có |  | 1234 4321 5678 9012 |
| 3. | Ngày hết hạn |  | Có | Chỉ gồm tháng và 2 chữ số cuối cùng của năm | 11/23 |
|  |  |  | Có |  | 123 |

**8. Output data:**

Không

**9. Postconditions:**

Không

**Usecase “Place Order”**

**1. Use case code:**

UC002

**2. Brief Description:**

Đây là use case mô tả mối quan hệ giữa khách hàng với AIMS software khi mà khách hàng muốn đặt hàng.

**3. Actors:**

3.1 Khách hàng

**4. Preconditions**

Không

**5. Basic Flow of Events:**

Step 1. Khách hàng xem giỏ hàng.

Step 2. AIMS software kiểm tra sự có sẵn của những sản phẩm trong giỏ hàng.

Step 3. AIMS software hiển thị giỏ hàng.

Step 4. Khách hàng yêu cầu đặt hàng.

Step 5. AIMS software hiển thị form thông tin giao hàng

Step 6. Khách hàng nhập và gửi thông tin giao hàng

Step 7. AIMS Software tính phí vận chuyển

Step 8. AIMS Software hiển thị hoá đơn

Step 9. Khách hàng xác nhận đặt hàng

Step 10. AIMS software gọi Use case “Pay Order”

Step 11. AIMS software tạo một đơn đặt hàng mới

Step 12. AIMS software làm rỗng giỏ hàng.

Step 13. AIMS software hiển thị thông báo đặt hàng thành công.

**6. Alternative Flows:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí | Điều kiện | Hành động | Vị trí tiếp tục |
| 1. | Tại bước 3 | Lượng đặt hàng lớn hơn lượng hàng tồn trong kho | * Yêu cầu khách hàng cập nhật giỏ * Hiển thị số lượng của mỗi sản phẩm có thể có | Tại bước 2 |
| 2. | Tại bước 5 | Nếu Khách hàng chọn chức năng đặt hàng nhanh | * AIMS software gọi UseCase “Place rush order” | Tại bước 4 |
| 3. | Tại bước 7 | Nếu khách hàng nhập thông tin không đúng | * AIMS software Yêu cầu khách hàng nhập lại | Tại bước 6 |

**7. Input data:**

*Bảng 1- dữ liệu vào của thông tin giao hàng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện hợp lệ | Ví dụ |
| 1. | Tên người nhận |  | Có |  | Trần Hữu Hiếu |
| 2. | Số điện thoại |  | Có |  | 0868984191 |
| 3. | Tỉnh |  | Có |  | Hà Tĩnh |
| 4. | Địa chỉ |  | Có |  | 200/ Nguyễn Du/ Thành phố Hà tĩnh |
| 5. | Cách thức giao hàng |  | Có |  |  |

**8. Output data:**

*Bảng 2- Dữ liệu ra của giỏ của việc hiển thị giỏ hàng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Định dạng hiển thị | Ví dụ |
| 1. | Tiêu đề | Tiêu đề của sản phẩm media |  | DVD phim “Life of Pi” |
| 2. | Giá | Giá của sản phẩm media tương ứng | * Dấu phẩy khi tách phần nghìn. * Số nguyên dương. * Sự căn lề phải | 1,000,000 |
| 3. | Số lượng |  |  | 2 |
| 4. | Tổng Giá tất cả sản phẩm | Giá của sản phẩm tương ứng | * Dấu phẩy khi tách phần nghìn. * Số nguyên dương. * Sự căn lề phải | 2,000,000 |
| 5. | Tổng phụ trước VAT | Tổng tiền của tất cả sản phẩn trong giỏ trước khi tính VAT |  | 2,000,000 |
| 6. | Tổng phụ | Tổng tiền của tất cả sản phẩn trong giỏ sau khi tính VAT |  | 2,100,000 |
| 7. | Phí vận chuyển |  |  | 25,000 |
| 8. | Tổng tất cả | Tổng của tổng phụ và phí vận chuyển |  | 2,150,000 |
| 9. | Đơn vị đồng tiền |  |  | VND |

*Bảng 3- dữ liệu ra của hoá đơn đặt hàng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Định dạng hiển thị | Ví dụ |
| 1. | Tiêu đề | Tiêu đề của sản phẩm media |  | DVD phim “Life of Pi” |
| 2. | Giá | Giá của sản phẩm media tương ứng | * Dấu phẩy khi tách phần nghìn. * Số nguyên dương. * Sự căn lề phải | 1,000,000 |
| 3. | Số lượng |  |  | 2 |
| 4. | Tổng Giá tất cả sản phẩm | Giá của sản phẩm tương ứng | * Dấu phẩy khi tách phần nghìn. * Số nguyên dương. * Sự căn lề phải | 2,000,000 |
| 5. | Tổng phụ trước VAT | Tổng tiền của tất cả sản phẩn trong giỏ trước khi tính VAT |  | 2,000,000 |
| 6. | Tổng phụ | Tổng tiền của tất cả sản phẩn trong giỏ sau khi tính VAT |  | 2,100,000 |
| 7. | Phí vận chuyển |  |  | 25,000 |
| 8. | Tổng tất cả | Tổng của tổng phụ và phí vận chuyển |  | 2,150,000 |
| 9. | Đơn vị đồng tiền |  |  | VND |
| 10. | Tên |  |  | Trần Hữu Hiếu |
| 11. | Số điện thoại |  |  | 0868984191 |
| 12. | Tỉnh | Chọn từ 1 danh sách |  | Hà Tĩnh |
| 13. | Địa chỉ |  |  | 200, Phường Nguyễn Du, Thành phố Hà Tĩnh |
| 14. | Cách thức giao hàng |  |  |  |

**9. PostCondition:**

Không

**UseCase ”Place Rush Order”**

**1. User case code**

UC003

**2. Brief Description :**

Đây là Use case mô tả sự tương tác giữa khách hàng với AIMS software khi mà khách hàng mong muốn đặt hàng nhanh.

**3. Actors**

3.1 Khách hàng

**4. Preconditions** :

Khách hàng đang đặt hàng trong use case 002.

**5. Basic Flow of Events** :

Step 1. Khách hàng chọn chức năng đặt hàng nhanh

Step 2. AIMS Software kiểm tra xem phương tiện và địa chị vận chuyển có hỗ trợ giao hàng nhanh không.

Step 3. AIMS Software hiển thị form giao hàng nhanh

Step 4. Khách hàng điền thông tin và nhấn submit

Step 5. AIMS Software hiển thị sản phẩm giao hàng cùng nhau

Step 6. Tiếp tục UseCase 002.

**6. Alternative Flows :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí | Điều kiện | Hành động | Vị trí tiếp tục |
| 1. | Tại vị trí 4 | Không có sự hỗ trợ từ sản phẩm hay địa chỉ giao hàng | * AIMS Software hIển thị ra những sản phẩm nào không được hỗ trợ. * AIMS Software yêu cầu khách hàng cập nhật lại thông tin giao hàng | Vị trí 3 |
| 2. | Tại vị trí 5 | thông tin giao hàng khách hàng nhập không hợp lệ | * AÍMS Software hiển thị thông báo thông tin khách hàng nhập không hợp lệ * AIMS Software yêu cầu khách hàng cập nhật lại thông tin | Vị trí 4 |

**7. Input data**

*Bảng 1- dữ liệu vào của thông tin giao hàng nhanh*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện hợp lệ | Ví dụ |
| 1. | Thông tin giao hàng nhanh |  | Có |  |  |
| 2. | Chỉ dẫn giao hàng |  |  | String |  |
| 3. | Khoảng thời gian giao hàng kì vọng |  | Có | Giờ, phút | 40h |

**8. Output data**

Không

**9. PostConditions**:

Không